TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 /4 /2021
V/v *"Kiện ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Quý Sáng;
2. Bà Giàng Thị Phượng;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2021 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2021 giữa :

Nguyên đơn**:** Anh Bàn Xuân Q- sinh năm 1983
Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai. (có mặt)

Bị đơn: Chị Hoàng Thị N- Sinh năm 1983
Địa chỉ: Bản T, xã Đ, huyện B, tỉnh Lào Cai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bàn Xuân Q trình bày: Anh và chị Hoàng Thị Ntự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1999 không làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng vẫn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị N không chăm lo làm ăn, từ đó vợ chồng thường đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng anh chị hiện vẫn đang sống chung nhà nhưng thực tế ăn riêng, ở riêng, không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị Ntheo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu Bàn Thị L sinh ngày 03/8/2000 và cháu Bàn Cao Đ sinh ngày 13/8/2001. Hiện nay các cháu đều phát triển khỏe mạnh, bình thường và đã đến tuổi trưởng thành nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh Q tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị Ntrình bày: Chị và anh Bàn Xuân Q tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1999 không làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng vẫn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi về chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q thường đi làm ăn xa nhà nhưng không mang tiền về nhà cho vợ. Khi anh Q ở nhà hai vợ chồng không nói chuyện được với nhau thậm chí im lặng không ai nói chuyện với ai, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng dần xa cách. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Anh chị hiện nay vẫn sống chung một nhà nhưng từ tháng 11 năm 2020 đến nay anh chị ăn riêng, ở riêng không quan tâm đến nhau. Đến nay anh Q làm đơn xin ly hôn, chị N xác định chị không có lỗi gì nên chị không đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung về tên tuổi như anh Q trình bày là đúng. Hiện nay các cháu đều phát triển khỏe mạnh, bình thường và đã đến tuổi trưởng thành nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nhuận và anh Q tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của anh Bàn Xuân Q trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Bàn Xuân Q và chị Hoàng Thị Nchung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tuy nhiên việc chung sống của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa anh Q vag chị N là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, từ đó vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, anh Bàn Xuân Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với

chị Hoàng Thị N. Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Hoàng Thị Ncũng xác định vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay anh chị đang sống ly thân. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Bàn Xuân Q, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Q và chị Nhuận là phù hợp điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Bàn Thị L sinh ngày 03/8/2000 và cháu Bàn Cao Đ sinh ngày 13/8/2001. Hiện nay các cháu đều phát triển khỏe mạnh, bình thường và đã đến tuổi trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Q và chị Nhuận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Bàn Xuân Q phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Xuân Q và chị Hoàng Thị N.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Bàn Xuân Q phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001987 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên. Anh Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh